

Bản án số: 75/2018/HSST
Ngày 27/03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2018/HSST ngày 08 tháng 03 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/HSST- QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình D, sinh năm 1978 tại Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14E, ngõ 533, phố B, phường C, quận H, Hà Nội; Nơi ở: Tổ 27, phường V, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình K và bà Lê Thị H; Vợ Lê Văn A, có 03 con sinh năm 2003, năm 2015 và sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 03 tiền án: Bản án số 118/HSST ngày 14/3/1997, TAND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích; Bản án số 100/HSST ngày 27/4/2001, TAND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Bản án số 205/HSST ngày 12/4/2004, TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (cả ba bản án đều đã được xóa án tích); Bắt tạm giam ngày 11/12/2017; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 02/02/2017, tổ công tác Công an phường V, quận H, Hà Nội kiểm tra hành chính tại nhà của Nguyễn Đình D ở địa chỉ tổ 27, phường V, quận H đã phát hiện 02 chiếc xe máy gồm: 01 xe máy Honda Wave màu đỏ, không biển kiểm soát và 01 xe máy Honda Vision màu trắng, không có biển kiểm soát. Quá trình kiểm tra, D không xuất trình được các tài liệu chứng minh nguồn gốc sở hữu 02 chiếc xe máy trên nên công an đã đưa D cùng 02 xe máy trên về trụ sở để điều tra xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình D khai: Nguyễn Đình D làm nghề thu mua phế liệu tự do. D quen biết xã hội với đối tượng tên T và H (không rõ nhân thân, địa chỉ). Khoảng đầu tháng 12/2016, T có gọi điện cho D nói T có 01 xe máy Honda Wave màu đỏ, không biển kiểm soát, không có giấy tờ và hỏi D có mua xe không. D đồng ý mua nên T đã mang xe đến bán cho D với giá 3.500.000 đồng. Sau đó, khoảng đầu tháng 01/2017, H cũng có gọi cho D và nói H có 01 xe máy Honda Vision màu trắng, không có biển kiểm soát, không có giấy tờ muốn bán cho D. D đồng ý mua nên H đã mang xe đến bán cho D với giá 5.000.000 đồng. Khi mua xe D biết nguồn gốc xe có thể do trộm cắp mà có nên T và H mới bán rẻ cho D, nhưng vì hám lợi nên D vẫn mua. Mục đích của D mua để sử dụng và nếu có ai hỏi mua thì D bán kiếm lời, nhưng chưa kịp bán thì đã bị kiểm tra hành chính thu giữ.

Ngày 03/02/2017, cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận H đã ra quyết định trưng cầu giám định số khung, số máy của 02 xe máy thu giữ của D. Tại bản kết luận giám định số 1354 ngày 12/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự PC54 - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: Số khung, số máy của chiếc xe máy Honda Vision màu trắng, không đeo BKS là số nguyên thủy; Chiếc xe máy Honda Wave màu đỏ, không đeo BKS, số máy bị tẩy xóa không xác định được số máy nguyên thủy, số khung 528330 là số nguyên thủy.

Theo kết luận định giá số 17/HĐĐG ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND quận H kết luận: 01 xe máy Honda Wave màu đỏ, số máy bị đục, số khung 528330 trị giá 5.040.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda Vision màu trắng, số khung: 0442475, số máy 364649 trị giá 26.618.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác minh được: Chiếc xe máy Honda Vision màu trắng, số khung: 0442475, số máy 364649, có BKS: 29D1-554.61 đăng ký mang tên chị Phạm Thị H, sinh năm 1978 có HKTT tại: P304, E2 Tập thể Hồ Việt Xô, phường B, quận H, Hà Nội. Chị H đứng tên đăng ký hộ cho cô của chị là bà Đình Thị T. Ngày 12/01/2017, ông Vũ Xuân V là chồng bà T đi xe về để cạnh nhà tại số 12, ngõ 680, phố Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà

Trung, Hà Nội thì bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe máy trên. Ông V đến Công an phường Thanh Lương trình báo. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Hoàng Mai đã tạm trao trả chiếc xe máy này cho bà T, ông V.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave màu đỏ, qua trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan công an đã ra quyết định tách chiếc xe máy trên để điều tra làm rõ sau.

Đối với đối tượng tên T và H bán xe cho D, do không xác định được nhân thân lại lịch nên cơ quan điều tra đã tách hành vi trộm cắp của T và H để điều tra xử lý sau.

Bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 06/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Đình D về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Đình D giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khai nhận: Bị cáo có quen biết xã hội với hai đối tượng tên T và H. Vào khoảng đầu tháng 12/2016, bị cáo có mua của 01 xe máy Honda Wave màu đỏ, không biển kiểm soát, không có giấy tờ của T với giá 3.500.000 đồng. Đến khoảng đầu tháng 01/2017, bị cáo tiếp tục mua 01 xe máy Honda Vision màu trắng, không có biển kiểm soát, không có giấy tờ của H với giá 5.000.000 đồng. Khi mua bị cáo biết cả 02 chiếc xe máy này không phải là tài sản hợp pháp của T và H vì xe không có biển kiểm soát, không có giấy tờ, giá bán lại rẻ hơn giá trị thực tế của xe rất nhiều nên chỉ có thể là xe do trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi nên bị cáo vẫn mua với mục đích để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể của T và H.

Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã xác định: Hành vi phạm tội của Nguyễn Đình D đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Bị cáo D có 03 tiền án mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Từ những phân tích nêu trên Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D từ 14 tháng đến 16 tháng tù.
- Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đình D không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình D không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Nguyễn Đình D tại phiên tòa với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan, tang vật thu giữ của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù biết việc giao dịch mua bán xe máy phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nhưng khi hai đối tượng tên T và H (bạn quen biết ngoài xã hội, không rõ nhân thân lai lịch) liên hệ để bán xe máy không có giấy tờ, không có biển kiểm soát, giá cả rẻ hơn rất nhiều so với giá trị thực tế của xe, Nguyễn Đình D hoàn toàn nhận thức rõ đây là xe có nguồn gốc do người khác phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên bị cáo vẫn mua với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe máy Honda Vision màu trắng mà bị cáo mua của đối tượng H với giá 5.000.000 đồng là tang vật của vụ trộm cắp xảy ra ngày 12/01/2017 trên địa bàn phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Qua định giá, giá trị thực tế của chiếc xe là 26.618.000 đồng.

Ngoài ra bị cáo còn mua 01 xe máy Honda Wave màu đỏ, không biển kiểm soát, không có giấy tờ của T với giá 3.500.000 đồng, nhưng do chưa xác định được chủ sở hữu của xe và xe không nằm trong dữ liệu xe máy vật chứng, chưa xác định được nhân thân lai lịch của hai đối tượng của T và H nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Hoàng Mai đã tách các tài liệu có liên quan để hành vi của hai đối tượng cùng chiếc xe máy này để điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, bị cáo Nguyễn Đình D đã phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nên cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 06/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đề nghị truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình D không những xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có mà trong một chừng mực nào đó đã góp phần tiếp tay cho những người khác vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đình D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú. Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình D có 03 tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần vi phạm pháp luật và được cơ quan pháp luật giáo dục, cải tạo nhưng bị cáo không có ý thức sửa chữa, tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành người lương thiện. Điều này chứng tỏ bị cáo rất coi thường luật pháp nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. Về quyết định hình phạt: Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cải tạo, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có khả năng kinh tế nên miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Khoản 1 Mục I Danh mục án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2017.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Hoàng Mai;
- Công an quận Hoàng Mai;
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hoa

